

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về “phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới”

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về “phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới” (gọi tắt là *Nghị quyết 36-NQ/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết với những nội dung sau:

I- TÌNH HÌNH

Trong thời gian qua, Tỉnh ủy, cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và tổ chức thực hiện kịp thời các văn bản của Trung ương trong lĩnh vực công nghệ sinh học, nhất là Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá IX và Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá XII về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đạt được một số kết quả quan trọng. Nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của công nghệ trong sản xuất và đời sống được nâng lên; công nghệ sinh học đã được nghiên cứu ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như nông nghiệp, công nghệ thực phẩm, y tế, môi trường... góp phần đẩy mạnh tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc, nâng cao đời sống của nhân dân, bảo vệ môi trường, sinh thái, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, công tác nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, chủ yếu trên lĩnh vực nông nghiệp. Việc chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học tại các doanh nghiệp, hợp tác xã còn yếu; xã hội hóa các nguồn lực đầu tư phát triển ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn gặp nhiều khó khăn; Cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại còn thiếu và không đồng bộ; đội ngũ cán bộ khoa học trên lĩnh vực công nghệ sinh học chưa đáp ứng yêu cầu; thiếu các chuyên gia đầu ngành và nhân lực quản lý có trình độ cao về công nghệ sinh học.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế nêu trên là do nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công nghệ sinh học chưa đầy đủ; cơ chế, chính sách chưa đủ mạnh để thu hút nguồn lực xã hội cho phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học của tỉnh; đầu tư cho phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; tiềm lực sản xuất của các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh còn nhỏ; đời sống của Nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn còn khó khăn nên việc đầu tư, áp dụng công nghệ sinh học vào sản xuất còn hạn chế.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển và ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống, nhất là trong các ngành, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh. Tăng dần tỷ lệ đóng góp của khoa học và công nghệ vào GRDP, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

- Ứng dụng công nghệ sinh học bảo tồn từ 2 - 5 giống cây trồng, vật nuôi bản địa có giá trị kinh tế cao tại tỉnh Lai Châu.

- Ứng dụng công nghệ sinh học góp phần xử lý, thu gom 100% chất thải rắn sinh hoạt đô thị; 95% số xã, phường, thị trấn tại các huyện, thành phố được thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt.

- Xây dựng nền công nghệ sinh học có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chất lượng, cơ sở vật chất tài chính đủ mạnh đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Hình thành ít nhất 01 doanh nghiệp công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh. Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất 10% sản phẩm hàng hóa của tỉnh.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt, nâng

cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp về vai trò, tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân; quán triệt sâu sắc quan điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học là một nội dung, nhiệm vụ được xác định trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Thường xuyên và kịp thời cập nhật, bổ sung nội dung phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và của các địa phương, đơn vị để triển khai thực hiện.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền; phát huy vai trò của báo chí, ưu thế của mạng xã hội trong việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức và giới thiệu các thành tựu công nghệ sinh học, tuyên truyền các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiêu biểu, điển hình, hoạt động hiệu quả, có đóng góp tích cực vào sự nghiệp nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, sinh học vào sản xuất và đời sống.

2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học của tỉnh. Xây dựng chính sách thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; bảo đảm an toàn sinh học; khuyến khích đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị cao trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, quốc phòng, an ninh và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp tại các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Xây dựng cơ chế bảo đảm môi liên kết, gắn bó giữa các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển, chuyên giao và ứng dụng công nghệ sinh học. Phối hợp triển khai, ứng dụng các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

3. Tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống.

- Chú trọng nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp nhằm tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với khí hậu, thổ nhưỡng của các vùng trong tỉnh, chống chịu sâu bệnh, dịch bệnh, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao; quan tâm xây dựng nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý, hiếm.

- Phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong công nghiệp chế biến các sản phẩm an toàn, hiệu quả, có giá trị cao từ nguồn nguyên liệu trong tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực y tế, sản xuất nguyên liệu và một số loại thuốc sinh học có nguồn gốc từ thảo dược.

- Quan tâm ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường, trong đó ưu tiên xử lý chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón trong nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi; giảm thiểu suy thoái, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; sản xuất nhiên liệu, vật liệu sinh học thân thiện với môi trường.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ sinh học nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, sở hữu trí tuệ; nghiên cứu sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; xây dựng thương hiệu, thương mại hóa sản phẩm; khai thác, sử dụng hiệu quả các phát minh, sáng chế công nghệ sinh học được chuyển giao trong công nghiệp sinh học.

- Chủ động ứng phó tình huống bùng nổ tác nhân sinh học; bảo đảm an ninh sinh học trong nghiên cứu, sản xuất, làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm sinh học đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

4. Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

- Xây dựng quy hoạch đào tạo và chú trọng áp dụng mô hình đào tạo nhân lực công nghệ sinh học từ giáo dục phổ thông. Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp công nghệ sinh học, đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ sinh học. Gắn đào tạo nhân lực với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Quan tâm đầu tư nguồn lực nhằm nâng cao năng lực phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, trong đó ngân sách nhà nước chủ yếu đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu làm chủ công nghệ lõi, phát triển sản phẩm công nghệ sinh học mà tỉnh có lợi thế; đầu tư, hoàn thiện 1-2 trung tâm công nghệ sinh học; hiện đại hóa phòng thí nghiệm, các trung tâm đánh giá, kiểm định.

- Hỗ trợ, phát triển cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ sinh

học. Hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ, thiết bị; nâng cao năng lực của các cơ sở nghiên cứu công nghệ sinh học trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

5. Đẩy mạnh hợp tác về công nghệ sinh học

Tăng cường quan hệ hợp tác trong và ngoài nước trong lĩnh vực công nghệ sinh học; tuân thủ các điều ước quốc tế có liên quan đến công nghệ sinh học trong quá trình hợp tác. Khuyến khích mua, chuyển giao, trao đổi công nghệ sinh học, trong đó quan tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao phù hợp với đặc điểm của tỉnh.

- Xây dựng các chương trình, đề tài, dự án hợp tác với các địa phương trong và ngoài nước có nền công nghệ sinh học phát triển để tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ cho việc phát triển công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác trong lĩnh vực công nghệ sinh học với các tổ chức, các viện nghiên cứu và trường đại học lớn, có uy tín trong và ngoài nước nhằm tiếp cận, tiếp nhận chuyển giao các công nghệ tiên tiến.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng, đảng đoàn; Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động này tới cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân. Xây dựng kế hoạch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình hành động này.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện các văn bản cụ thể hóa các quy định của pháp luật, tạo điều kiện thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống; tăng cường giám sát hoạt động phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách và các quy định theo hướng dẫn của Trung ương về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; huy động và bố trí nguồn lực để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị; định kỳ hoặc theo yêu cầu của Trung ương tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động này, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết và Chương trình hành động này. Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí của tỉnh đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,]
- Văn phòng Trung ương Đảng,] (b/c)
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Lưu: VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Lê Văn Lương